

Bản án số: 08/2021/DSST

Ngày : 08/02/2021.

V/V: “ *Tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản* ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM – TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Văn Phú Hiên.

Ông Nguyễn Hồng Tý.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Đình Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 154/2020/TLST – DS ngày 09/10/2020, về việc: “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2020/QĐXXST-DS ngày: 29/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST – DS ngày 22/01/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* NTN, sinh năm: 1971 – ( Có mặt ).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 7, ấp BA, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Bị đơn:* NTQ, sinh năm: 1970 – ( Vắng mặt ) và NTLQ, sinh năm: 1970 – ( Vắng mặt ).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 8, ấp LG, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2020, bản khai, biên bản hoà giải trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa. Nguyên đơn bà NTN trình bày: Từ tháng 11/2016 cho đến tháng 6/2017, bà N cho vợ chồng bà Q, ông Q vay tiền nhiều lần. Cụ thể như sau:

- + Lần 1 ngày 19/11/2016 vay 180.000.000Đ ( Một trăm tám mươi triệu ).
- + Lần 2 ngày 04/2/2017 vay 20.000.000Đ ( Hai mươi triệu ).
- + Lần 3 ngày 24/4/2017 vay 20.000.000Đ ( Hai mươi triệu ).
- + Lần 4 ngày 04/6/2017 vay 30.000.000Đ ( Ba mươi triệu ).
- + Lần 5 không nhớ ngày, tháng của năm 2017 vay 40.000.000Đ ( Bốn mươi triệu ).

Tổng cộng: 290.000.000Đ ( Hai trăm chín mươi triệu ).

Lần ngày 19/11/2016 có làm giấy vay với nhau, giấy do vợ chồng bà Q, ông Q ký, không thoả thuận thời hạn trả nợ, không thoả thuận lãi suất, không thế chấp tài sản. Còn các lần vay khác không làm giấy tờ gì, chỉ ghi vào phía sau giấy vay ngày 19/11/2016, nhưng vợ chồng bà Q, ông Q không có ký.

Sau khi vay vợ chồng bà Q, ông Q có trả cho bà N được 26.000.000Đ ( Hai mươi sáu triệu ), còn lại 264.000.000Đ ( Hai trăm sáu mươi tư triệu ).

Khi bà N cần tiền đi hỏi nhiều lần nhưng vợ chồng bà Q, ông Q không trả nên bà N khởi kiện ra Tòa án.

Tại Tòa án bà N yêu cầu vợ chồng bà Q, ông Q phải trả cho bà N 264.000.000Đ ( Hai trăm sáu mươi tư triệu ), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa hôm nay bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 110.000.000Đ ( Một trăm mười triệu ), vay vào các ngày 04/2/2017; ngày 24/4/2017; ngày 04/6/2017; không nhớ ngày, tháng của năm 2017. Chỉ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Q, ông Q phải trả cho bà N số tiền vay ngày 19/11/2016, trừ đi số tiền 26.000.000Đ ( Hai mươi sáu triệu ) bà N đã nhận còn lại là: 154.000.000Đ ( Một trăm năm mươi tư triệu ) không yêu cầu tính lãi suất.

Vợ chồng bà NTLQ, ông NTQ đã được toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay vợ chồng bà Q, ông Q vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

*Quan điểm của vị đại diện VKS tham gia phiên toà:* Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án dù đã được triệu tập hợp lệ là chưa chấp hành pháp luật, chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật, việc chấp hành pháp luật và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà NTLQ, ông NTQ trả tiền đã vay của bà N cho bà N. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vợ chồng bà NTLQ, ông NTQ dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Q, ông Q. Việc vợ chồng bà Q, ông Q không tham gia phiên toà dù đã được triệu tập hợp lệ, cũng không có ý kiến hay giao nộp chứng cứ, tài liệu gì cho Tòa án, như vậy, bà Q, ông Q đã tự từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, HĐXX căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án. Tại phiên toà bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện, việc rút một phần yêu cầu của bà N là không bị

lừa dối, ép buộc, nên HĐXX chấp nhận việc rút một phần yêu cầu của bà N. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với vợ chồng ông NTQ, bà NTLQ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của đương sự HĐXX thấy: Theo tài liệu, chứng cứ do bà N giao nộp cho Toà án thể hiện có việc vợ chồng bà Q, ông Q vay tiền của bà N, với tổng số tiền vay là 180.000.000Đ ( Một trăm tám mươi triệu ) ( Bút lục số: 04 ). Hai bên không thoả thuận thời hạn trả nợ, không thoả thuận lãi suất. Đây là trường hợp vay không kỳ hạn, không lãi suất. Theo quy định thì bà N có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào. Theo lời trình bày của bà N thì bà N đã nhiều lần đi đòi, nhưng vợ chồng bà Q, ông Q không trả. Như vậy, vợ chồng bà Q, ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của mình. Như đã phân tích ở trên, vợ chồng bà Q, ông Q không chấp hành sự triệu tập của Toà án, không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Toà án là đã tự từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, HĐXX chấp nhận chứng cứ và lời trình bày của bà N, xác định giữa bà N và vợ chồng bà Q, ông Q có giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau. Số tài sản vay là: 180.000.000Đ ( Một trăm tám mươi triệu ), không thoả thuận lãi suất, không hẹn thời hạn trả nợ.

Do vợ chồng bà Q, ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, việc bà N yêu cầu vợ chồng bà Q, ông Q phải trả cho bà N 180.000.000Đ ( Một trăm tám mươi triệu ), sau khi trừ đi số tiền bà N đã nhận 26.000.000Đ ( Hai mươi sáu triệu ) là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của bà N.

Buộc vợ chồng bà NTLQ, ông NTQ trả cho bà N 154.000.000Đ ( Một trăm năm mươi tư triệu ).

Đây là hợp đồng vay không có lãi, tại Toà án bà N cũng không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Vợ chồng bà Q, ông Q phải chịu án phí theo quy định.

[4] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì những lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 244; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà NTN đối với vợ chồng bà NTLQ, ông NTQ.

Áp dụng Điều 471; Điều 474, khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà NTN đối với vợ chồng bà NTLQ, ông NTQ.

[2] Buộc vợ chồng bà NTLQ, ông NTQ trả cho bà NTN 154.000.000Đ ( Một trăm năm mươi tư triệu ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Bà Q, ông Q phải chịu 7.700.000Đ ( Bảy triệu bảy trăm ngàn ) án phí DSST. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Nguyên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0008784 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ( Những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án ) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận.**

- TAND tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- Chi cục THADS huyện XM.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

( Đã ký )

**Hoàng Ngọc Tuấn**

